



Số: 21 /CV-HAGL

(Về việc: Giải trình BCTC Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán)

Gia Lai, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán:

ĐVT: Ngàn VND

Khoản mục	BCTC hợp nhất năm 2021 (Đã kiểm toán)	BCTC hợp nhất năm 2020 (Đã kiểm toán)	Biến động
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	127.606.111	(2.383.339.850)	2.510.945.961

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp tăng 301.239.884 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do giá vốn trái cây trong năm 2021 giảm so với năm 2020. Bên cạnh đó, hoạt động bán heo cũng mang lại nhiều lợi nhuận cho Tập đoàn.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 552.285.053 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2021 lãi từ thanh lý các khoản đầu tư giảm so với năm 2020.
- Chi phí tài chính giảm 227.868.445 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lãi vay giảm.
- Chi phí bán hàng giảm 225.297.040 ngàn VND, chủ yếu do Tập đoàn không còn hợp nhất Nhóm các công ty HNG.
- Chi phí quản lý giảm 2.025.519.335 ngàn VND, nguyên nhân biến động chủ yếu là do trong năm 2020 Tập đoàn trích lập dự phòng liên quan đến các khoản công nợ phải thu.
- Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tăng 287.537.111 ngàn VND, chủ yếu tạo ra bởi nghiệp vụ thanh lý Nhóm HNG trong năm 2021 và chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản trong hợp nhất kinh doanh khi mua Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán:

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 4.467.100.553 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ Sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Bên cạnh đó, Tập đoàn đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh trong năm 2022 và các năm tiếp theo. Cụ thể là chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2022 sẽ được nâng lên mức hơn 4.800 tỷ đồng và mức lợi nhuận sau thuế 1.120 tỷ đồng. Tập đoàn cũng sẽ thực hiện phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động vốn chủ sở hữu đầu tư vào ngành chuỗi và chăn nuôi heo. Giải pháp này sẽ giúp tăng hệ số an toàn tài chính, đầu tư gia tăng tài sản sinh lợi, qua đó tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm rủi ro.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LẠI
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 74

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2021
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2021

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60752790/22630208-YE-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”), được lập vào ngày 24 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 74 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập Đoàn có khoản lỗ lũy kế là 4.467.100.553 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4139-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.051.853.577	8.930.375.455
110	I. Tiền	5	78.298.037	97.151.198
111	1. Tiền		78.298.037	97.151.198
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.535.652.693	6.410.638.635
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	553.790.175	4.075.221.471
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	147.090.473	109.143.346
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	6.516.258.180	4.186.477.204
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	785.572.698	563.738.589
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(1.467.058.833)	(2.523.941.975)
140	III. Hàng tồn kho	10	410.031.564	2.347.965.565
141	1. Hàng tồn kho		413.734.969	2.423.112.551
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.703.405)	(75.146.986)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.871.283	74.620.057
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	7.124.641	11.353.928
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	17.611.524	60.705.339
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	3.135.118	2.560.790
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.387.831.414	28.335.444.096
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.958.712.989	2.295.094.417
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.452.838.426	1.782.648.474
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	649.545.621	514.915.299
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(143.671.058)	(2.469.356)
220	II. Tài sản cố định		2.809.669.569	12.626.270.334
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.686.778.608	12.104.977.632
222	Nguyên giá		3.518.323.463	15.165.372.700
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(831.544.855)	(3.060.395.068)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	122.890.961	521.292.702
228	Nguyên giá		145.540.126	550.664.610
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.649.165)	(29.371.908)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	62.606.294	65.237.146
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.469.537)	(8.838.685)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.495.149.075	12.006.780.151
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	3.495.149.075	12.006.780.151
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	1.778.826.680	277.318.516
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		-	266.193.865
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.781.156.721	11.124.651
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.330.041)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		282.866.807	1.064.743.532
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	271.900.161	353.396.829
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	10.966.646	85.724.272
269	3. Lợi thế thương mại	18	-	625.622.431
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.439.684.991	37.265.819.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.766.451.651	27.238.024.092
310	I. Nợ ngắn hạn		6.754.505.795	15.428.980.447
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	359.479.015	1.474.036.885
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	528.938.858	633.729.744
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	7.155.321	32.844.475
314	4. Phải trả người lao động		98.870.565	175.795.782
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	3.088.705.929	2.864.427.371
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		81.818	409.091
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	161.601.224	1.475.782.291
320	8. Vay ngắn hạn	24	2.509.569.555	8.771.851.298
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		7.011.945.856	11.809.043.645
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	653.649.038	1.173.684.620
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	65.398.026	454.179.120
338	3. Vay dài hạn	24	5.776.845.065	9.330.999.170
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	510.611.231	844.467.369
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.442.496	5.713.366
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.673.233.340	10.027.795.459
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.673.233.340	10.027.795.459
411	1. Vốn cổ phần	25.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	-	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	(602.619.336)	(1.440.136.262)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	282.410.699	282.410.699
421	6. Lỗi lũy kế	25.1	(4.467.100.553)	(6.301.662.837)
421a	- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước		(4.670.130.714)	(5.046.001.493)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) năm nay		203.030.161	(1.255.661.344)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	186.549.700	4.949.332.245
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.439.684.991	37.265.819.551



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

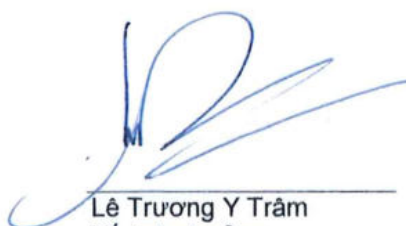
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.187.415.636	3.189.964.886
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(89.997.270)	(13.318.930)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	2.097.418.366	3.176.645.956
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(1.590.448.139)	(2.970.915.613)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		506.970.227	205.730.343
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	735.078.612	1.287.363.665
22	7. Chi phí tài chính	30	(1.090.293.038)	(1.318.161.483)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(971.878.185)	(1.253.570.666)
24	8. Phần (lãi)/lãi trong công ty liên kết		(5.819.760)	8.767.467
25	9. Chi phí bán hàng	31	(129.287.166)	(354.584.206)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	174.279.229	(1.851.240.106)
30	11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		190.928.104	(2.022.124.320)
31	12. Thu nhập khác	32	79.670.972	98.148.465
32	13. Chi phí khác	32	(401.205.709)	(427.484.407)
40	14. Lỗ khác	32	(321.534.737)	(329.335.942)
50	15. Lỗ kế toán trước thuế		(130.606.633)	(2.351.460.262)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(885.768)	(3.440.989)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.2	259.098.512	(28.438.599)
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		127.606.111	(2.383.339.850)
61	19. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ		203.030.161	(1.255.661.344)
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(75.424.050)	(1.127.678.506)
70	21. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	219	(1.354)
71	22. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	219	(1.354)



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ kế toán trước thuế		(130.606.633)	(2.351.460.262)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13, 18	870.230.953	963.189.845
03	(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(885.411.353)	1.614.455.830
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(104.788.770)	(72.723.455)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(455.074.138)	(1.053.097.065)
06	Chi phí lãi vay	30	971.878.185	1.253.570.666
07	Các điều chỉnh khác		1.759.669	16.172.109
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		267.987.913	370.107.668
09	Tăng các khoản phải thu		(605.054.037)	(821.286.302)
10	Tăng hàng tồn kho		(264.123.046)	(430.250.325)
11	Tăng các khoản phải trả		82.660.109	270.122.076
12	Tăng chi phí trả trước		(54.040.134)	(21.743.758)
14	Tiền lãi vay đã trả		(65.501.069)	(1.130.267.163)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	(2.205.764)	(818.203)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(640.276.028)	(1.764.136.007)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(1.215.681.721)	(2.335.313.765)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		227.716.258	2.653.633
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(2.910.721.238)	(820.994.359)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.889.196.184	352.437.170
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(108.511.316)	(421.331.381)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.332.388.023	1.314.904.350
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		74.291.023	440.002.574
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.288.677.213	(1.467.641.778)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Cổ đông thiểu số góp vốn	26	55.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	24	1.458.994.671	7.805.577.396
34	Tiền trả nợ gốc vay	24	(2.126.304.017)	(4.731.080.029)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(667.254.346)	3.074.497.367
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.853.161)	(157.280.418)
60	Tiền đầu năm		97.151.198	254.431.616
70	Tiền cuối năm	5	78.298.037	97.151.198



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Lĩnh vực nông nghiệp			
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	44,90
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(6) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,81
(7) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.565 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.313).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 4.467.100.553 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 24. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây chuối (i)	Vườn cây mít (ii)	Vườn cây xoài (iii)
Năm thứ 1	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11		5,80	5,80
Năm thứ 12		5,80	5,80
Năm thứ 13		5,80	5,80
Năm thứ 14		5,80	5,80
Năm thứ 15		5,80	5,80
Năm thứ 16		4,70	5,80
Năm thứ 17		4,70	5,80
Năm thứ 18		4,70	5,80
Năm thứ 19		4,70	5,80
Năm thứ 20		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn cây xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thanh lý Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”)

Từ ngày 4 tháng 1 đến ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất bán 28.205.675 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 37,75%. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 168.032.061 ngàn VND được nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh “TM” số 25.1*).

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị HNG đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Trường Hải (“THAGRICO”) trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày mất quyền kiểm soát, Tập đoàn đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần lãi đã được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của các năm trước, liên quan đến các giao dịch vốn trước đây đối với các cổ đông không kiểm soát đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG mà không làm mất quyền kiểm soát với số tiền là 1.013.165.414 ngàn VND (*TM số 25.1*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.1 Thanh lý Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) (tiếp theo)

Bên cạnh đó, từ ngày 12 tháng 1 đến ngày 4 tháng 6 năm 2021, Công ty đã tiếp tục bán 240.275.165 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 37,75% xuống còn 16,07% và HNG được trình bày như là một khoản đầu tư khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (TM số 16.2).

Theo đó, số tiền lãi thuần với giá trị là 240.752.906 ngàn VND từ toàn bộ việc thanh lý trên được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (TM số 28.2).

4.2 Mua thêm phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai (“Hưng Thắng Lợi”)

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Hưng Thắng Lợi, công ty con trong Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Heygo với giá trị là 124.645.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 78,22% lên 82,67% tại ngày này.

Tiếp theo vào ngày 7 tháng 12 năm 2021, Công ty đã mua thêm 15,33% phần vốn góp trong Hưng Thắng Lợi, công ty con trong Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Lê Me và Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên với tổng giá trị là 387.500.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 82,67% lên 98% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi vào ngày giao dịch là 627.818.284 ngàn VND được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.3 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai (“Thể Thao HAGL”)

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty, Hưng Thắng Lợi và Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai đã mua thêm 5.600.000 cổ phần được phát hành mới theo trong Thể Thao HAGL, công ty con trong Tập đoàn, với giá trị là 30.769.616 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Thể Thao HAGL tăng từ 51,00% lên 99,81% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Thể Thao HAGL vào ngày giao dịch là 157.890.024 ngàn VND được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

4.4 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.616.001	14.090.804
Tiền gửi ngân hàng	72.682.036	83.060.394
TỔNG CỘNG	78.298.037	97.151.198

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	336.603.792	608.643.802
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	176.271.018	2.719.615.892
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.271.018	176.576.000
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	2.350.000.000
- Các khách hàng khác	-	193.039.892
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	36.967.957	741.883.015
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay	-	707.578.103
- Các khách hàng khác	36.967.957	34.304.912
Phải thu khác	3.947.408	5.078.762
TỔNG CỘNG	553.790.175	4.075.221.471
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(66.752.042)	(47.861.216)
GIÁ TRỊ THUẦN	487.038.133	4.027.360.255
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên thứ ba	413.715.144	4.036.303.951
Phải thu các bên liên quan (TM số 34)	140.075.031	38.917.520

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	47.861.216	93.608.502
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	42.126.541	22.912.930
<i>Trừ:</i> Giảm do mua công ty con	-	(65.165.581)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.867.281)	(3.494.635)
<i>Trừ:</i> Giảm do thanh lý công ty con	(16.368.434)	-
Số cuối năm	66.752.042	47.861.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	129.190.217	94.404.315
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	62.098.512	7.055.503
- Công ty TNHH T.B.Y.B Angkor Banana	19.609.076	19.609.076
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	-	12.919.700
- Các nhà cung cấp khác	47.482.629	54.820.036
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	17.900.256	14.241.176
Trả trước cho người bán khác	-	497.855
TỔNG CỘNG	147.090.473	109.143.346
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.804.538)	(24.753.411)
GIÁ TRỊ THUẦN	137.285.935	84.389.935
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên thứ ba</i>	134.517.246	85.889.895
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 34)</i>	12.573.227	23.253.451

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	24.753.411	2.299.803
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	9.804.538	24.753.411
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(23.253.451)	-
<i>Trừ:</i> Giảm do thanh lý công ty con	(1.499.960)	-
<i>Trừ:</i> Giảm do mua công ty con	-	(2.299.803)
Số cuối năm	9.804.538	24.753.411



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	6.397.342.577	3.781.246.179
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	118.915.603	405.231.025
	<u>6.516.258.180</u>	<u>4.186.477.204</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	2.363.749.852	1.363.307.997
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	16.983.365	17.230.477
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	72.105.209	402.110.000
	<u>2.452.838.426</u>	<u>1.782.648.474</u>
TỔNG CỘNG	8.969.096.606	5.969.125.678
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(1.392.199.669)	(2.305.282.094)
GIÁ TRỊ THUẦN	7.576.896.937	3.663.843.584

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	2.305.282.094	4.181.066.564
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	132.005.492	1.639.326.233
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.045.087.917)	-
Trừ: Giảm do mua công ty con	-	(3.511.390.703)
Trừ: Xoá sổ trong năm	-	(3.720.000)
	<u>1.392.199.669</u>	<u>2.305.282.094</u>
Số cuối năm		
Trong đó:		
Ngắn hạn	1.291.672.984	2.305.282.094
Dài hạn	100.526.685	-

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2022 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80%/năm đến 12,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 10,50%/năm đến 13,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cân trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc đầu năm và cuối năm (USD)	748.826	748.826
Nợ gốc cuối năm (Ngàn VND)	16.983.365	17.230.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay	256.354.007	149.701.808
Cho các công ty mượn	489.961.800	340.705.172
Tạm ứng cho nhân viên	34.676.282	56.520.295
Phải thu ngắn hạn khác	4.580.609	16.811.314
	<u>785.572.698</u>	<u>563.738.589</u>
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	440.000.000	440.000.000
Phải thu lãi cho vay	206.136.867	71.044.947
Phải thu dài hạn khác	3.408.754	3.870.352
	<u>649.545.621</u>	<u>514.915.299</u>
TỔNG CỘNG	1.435.118.319	1.078.653.888
Dự phòng phải thu khác khó đòi	<u>(141.973.642)</u>	<u>(148.514.610)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	1.293.144.677	930.139.278
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 34)	639.457.496	489.633.305
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)	480.605.940	201.218.629
Phải thu các bên thứ ba	315.054.883	387.801.954

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	148.514.610	871.402.471
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	119.320.172	28.590.567
<i>Trừ:</i> Giảm do mua công ty con	-	(600.132.788)
<i>Trừ:</i> Xoá sổ trong năm	(6.639.117)	-
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(119.222.023)</u>	<u>(151.345.640)</u>
Số cuối năm	<u>141.973.642</u>	<u>148.514.610</u>
<i>Trong đó:</i>		
Ngắn hạn	98.829.269	146.045.254
Dài hạn	43.144.373	2.469.356

(*) Khoản này thể hiện phần vốn góp kinh doanh cho Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") theo HĐHTKD ký ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Lê Me trong bốn (4) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu. HĐHTKD này đang được dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu thường tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TM số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	260.560.576	1.967.180.717
<i>Trong đó:</i>		
- Chăn nuôi	201.590.330	10.479.073
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	54.006.258	1.078.419.250
- Hợp đồng xây dựng	4.963.988	878.282.394
Nguyên vật liệu	90.109.454	322.805.041
Hàng hóa	55.327.304	55.173.276
Thành phẩm	4.481.660	64.167.607
Công cụ, dụng cụ	3.255.975	9.513.608
Hàng đi đường	-	4.272.302
TỔNG CỘNG	413.734.969	2.423.112.551
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.703.405)	(75.146.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	410.031.564	2.347.965.565

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	75.146.986	21.572.100
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.703.405	65.003.415
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	(75.146.986)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(11.428.529)
Số cuối năm	3.703.405	75.146.986

(i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	2.726.429.032	734.033.551	2.151.362.743	6.999.458	9.485.587.579	60.960.337	15.165.372.700
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	524.382.800	186.406	23.057.451	-	336.435.981	-	884.062.638
Mua mới trong năm	32.043.143	51.373.201	29.805.798	939.424	48.771.915	-	162.933.481
Chênh lệch tỷ giá	(74.383.167)	(263.209)	(19.596.678)	-	(44.794.139)	-	(139.037.193)
Thanh lý	(61.720.212)	(11.198.044)	(6.873.968)	(31.990)	(208.913.985)	(265.000)	(289.003.199)
Thanh lý công ty con	(1.419.601.094)	(492.095.129)	(1.894.126.486)	(3.205.570)	(8.429.380.799)	(27.595.886)	(12.266.004.964)
Số cuối năm	1.727.150.502	282.036.776	283.628.860	4.701.322	1.187.706.552	33.099.451	3.518.323.463
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	9.407.565	30.357.139	25.315.816	3.112.292	26.517.011	18.566.116	113.275.939
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(697.875.858)	(380.657.455)	(770.586.757)	(5.581.987)	(1.165.435.140)	(40.257.871)	(3.060.395.068)
Khấu hao trong năm	(67.866.619)	(19.762.450)	(19.512.632)	(237.613)	(151.753.035)	(1.887.922)	(261.020.271)
Chênh lệch tỷ giá	18.695.218	189.190	4.306.771	-	2.580.795	-	25.771.974
Thanh lý	50.492.979	5.026.566	2.291.573	533	27.152.007	235.556	85.199.214
Thanh lý công ty con	339.317.262	247.315.783	672.197.827	2.081.892	1.106.097.957	11.888.575	2.378.899.296
Số cuối năm	(357.237.018)	(147.888.366)	(111.303.218)	(3.737.175)	(181.357.416)	(30.021.662)	(831.544.855)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	2.028.553.174	353.376.096	1.380.775.986	1.417.471	8.320.152.439	20.702.466	12.104.977.632
Số cuối năm	1.369.913.484	134.148.410	172.325.642	964.147	1.006.349.136	3.077.789	2.686.778.608
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24 và 35)	977.946.830	134.148.410	172.325.642	111.893	849.446.936	3.045.686	2.137.025.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 20120 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	528.166.821	22.497.789	550.664.610
Thanh lý công ty con	<u>(399.144.484)</u>	<u>(5.980.000)</u>	<u>(405.124.484)</u>
Số cuối năm	<u>129.022.337</u>	<u>16.517.789</u>	<u>145.540.126</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	5.211.223	5.211.223
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(13.790.982)	(15.580.926)	(29.371.908)
Hao mòn trong năm	(3.470.212)	(1.413.321)	(4.883.533)
Thanh lý công ty con	<u>11.107.943</u>	<u>498.333</u>	<u>11.606.276</u>
Số cuối năm	<u>(6.153.251)</u>	<u>(16.495.914)</u>	<u>(22.649.165)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>514.375.839</u>	<u>6.916.863</u>	<u>521.292.702</u>
Số cuối năm	<u>122.869.086</u>	<u>21.875</u>	<u>122.890.961</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24 và 35)</i>	122.869.086	21.875	122.890.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>27.072.022</u>	<u>47.003.809</u>	<u>74.075.831</u>
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(3.696.971)	(5.141.714)	(8.838.685)
Khấu hao và hao mòn trong năm	<u>(739.394)</u>	<u>(1.891.458)</u>	<u>(2.630.852)</u>
Số cuối năm	<u>(4.436.365)</u>	<u>(7.033.172)</u>	<u>(11.469.537)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>23.375.051</u>	<u>41.862.095</u>	<u>65.237.146</u>
Số cuối năm	<u>22.635.657</u>	<u>39.970.637</u>	<u>62.606.294</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24)</i>	<i>22.635.657</i>	<i>39.970.637</i>	<i>62.606.294</i>

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.339.779	1.884.188
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.630.852	2.630.853

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	2.365.989.272	5.851.200.071
Dự án chăn nuôi	938.358.956	1.278.472.390
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	99.599.782	586.646.031
Chi phí phát triển vườn cây cao su	-	2.479.307.092
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	-	1.704.361.699
Khác	<u>91.201.065</u>	<u>106.792.868</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.495.149.075</u>	<u>12.006.780.151</u>

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 16.164.187 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 424.724.454 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	-	266.193.865
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.781.156.721	11.124.651
TỔNG CỘNG	1.781.156.721	277.318.516
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.330.041)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	1.778.826.680	277.318.516

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	-	-	49,14	258.583.426
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	7.610.439
TỔNG CỘNG			-		266.193.865

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Ngàn VND

Giá trị

Giá gốc đầu tư

Số đầu năm	267.353.911
Thanh lý trong năm	(262.353.911)
Số cuối năm	5.000.000

Phản lãi/(lỗ) lũy kế sau khi đầu tư

Số đầu năm	(1.160.046)
Thanh lý trong năm	1.979.806
Phản lỗ từ công ty liên kết trong năm	(5.819.760)
Số cuối năm	(5.000.000)

Giá trị còn lại

Số đầu năm	266.193.865
Số cuối năm	-

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	16,07	1.772.626.680	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn quả	-	-	15,00	2.594.610
TỔNG CỘNG			1.781.156.721		11.124.651
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(2.330.041)		-
GIÁ TRỊ THUẦN			1.778.826.680		11.124.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.570.321	8.364.959
Chi phí khác	3.554.320	2.988.969
	<u>7.124.641</u>	<u>11.353.928</u>
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi	110.024.320	-
Chi phí khai hoang	124.639.291	249.358.743
Công cụ, dụng cụ	22.449.231	24.797.811
Tiền thuê đất	10.473.443	67.758.782
Chi phí thuê văn phòng	-	4.982.444
Chi phí khác	4.313.876	6.499.049
	<u>271.900.161</u>	<u>353.396.829</u>
TỔNG CỘNG	<u>279.024.802</u>	<u>364.750.757</u>

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND		
	<u>Lợi thế thương mại phát sinh từ mua các công ty con</u>		
	<u>Công ty Cổ phần</u>		
	<u>Bò sữa Tây Nguyên</u>	<u>Hưng Thắng Lợi</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.979.339	1.072.826.621	1.127.805.960
Thanh lý trong năm	<u>(54.979.339)</u>	<u>-</u>	<u>(54.979.339)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.072.826.621</u>	<u>1.072.826.621</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(31.053.205)	(471.130.324)	(502.183.529)
Phân bổ trong năm	-	(601.696.297)	(601.696.297)
Thanh lý trong năm	<u>31.053.205</u>	<u>-</u>	<u>31.053.205</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(1.072.826.621)</u>	<u>(1.072.826.621)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.926.134	601.696.297	625.622.431
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	317.277.378	1.414.093.688
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	59.671.882	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	292.855.814
- Các nhà cung cấp khác	257.605.496	1.121.237.874
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	33.473.380	21.919.095
Phải trả nhà thầu xây dựng	8.728.257	31.852.961
Phải trả người bán khác	-	6.171.141
TỔNG CỘNG	359.479.015	1.474.036.885
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên thứ ba	220.748.397	1.356.262.115
Phải trả các bên liên quan (TM số 34)	138.730.618	117.774.770

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 34)	313.861.430	-
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	215.077.428	633.729.744
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	162.680.988	162.680.988
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	282.843.456
- Các khách hàng khác	52.396.440	188.205.300
TỔNG CỘNG	528.938.858	633.729.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	60.705.339	97.713.619	(140.807.434)	17.611.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	293.370	-	(285.831)	7.539
Thuế khác	2.267.420	968.261	(108.102)	3.127.579
TỔNG CỘNG	63.266.129	98.681.880	(141.201.367)	20.746.642
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	22.593.419	885.768	(22.847.669)	631.518
Thuế thu nhập cá nhân	9.242.675	12.901.911	(18.779.425)	3.365.161
Thuế giá trị gia tăng	741.923	86.045.097	(83.684.695)	3.102.325
Thuế khác	266.458	5.396.479	(5.606.620)	56.317
TỔNG CỘNG	32.844.475	105.229.255	(130.918.409)	7.155.321

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.065.930.895	2.570.677.644
Chi phí hoạt động	1.534.315	160.401.645
Chi phí khác	21.240.719	133.348.082
	<u>3.088.705.929</u>	<u>2.864.427.371</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	653.649.038	1.173.684.620
TỔNG CỘNG	3.742.354.967	4.038.111.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	111.183.498	1.237.044.380
Phải trả các cá nhân khác	1.276.235	3.958.621
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	-	104.112.630
Phải trả tiền thuê đất	-	74.761.454
Khác	49.141.491	55.905.206
	<u>161.601.224</u>	<u>1.475.782.291</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	65.398.026	335.560.739
Phải trả tiền thuê đất	-	118.618.381
	<u>65.398.026</u>	<u>454.179.120</u>
TỔNG CỘNG	<u>226.999.250</u>	<u>1.929.961.411</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn các bên thứ ba</i>	<i>208.884.310</i>	<i>1.455.779.809</i>
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)</i>	<i>18.114.940</i>	<i>237.823.684</i>
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 34)</i>	<i>-</i>	<i>236.357.918</i>

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 24.2)	1.293.017.564	872.245.035
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.3)	704.681.572	1.194.476.648
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.1)	511.870.419	1.467.713.308
Vay ngắn hạn bên khác	-	5.122.729.858
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân	-	114.686.449
	<u>2.509.569.555</u>	<u>8.771.851.298</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 24.2)	5.142.773.631	6.726.624.401
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.3)	497.175.885	2.528.363.183
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 24.4)	136.895.549	76.011.586
	<u>5.776.845.065</u>	<u>9.330.999.170</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.286.414.620</u>	<u>18.102.850.468</u>

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>Vay dài hạn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	8.771.851.298	9.330.999.170	18.102.850.468
Tiền thu từ đi vay	1.324.780.508	134.214.163	1.458.994.671
Chuyển từ các khoản phải trả	-	68.347.023	68.347.023
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.188.272	11.579.907	13.768.179
Vay dài hạn đến hạn trả	1.172.026.268	(1.172.026.268)	-
Chênh lệch tỷ giá	6.785.486	25.805.847	32.591.333
Giảm do thanh lý công ty con	(7.261.758.260)	(2.002.074.777)	(9.263.833.037)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.506.304.017)	(620.000.000)	(2.126.304.017)
Số cuối năm	<u>2.509.569.555</u>	<u>5.776.845.065</u>	<u>8.286.414.620</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11)</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 25 tháng 5 năm 2021	499.998.646	Ngày 27 tháng 12 năm 2022	8,60 - 9,10	150.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak				
Khoản vay ngày 17 tháng 12 năm 2021	9.914.824	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	10,00	Quyền sử dụng đất (6,83 ha) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”), Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 10 tháng 5 năm 2021	1.956.949	Ngày 30 tháng 4 năm 2022	7,80	Máy móc thiết bị, một phần các phương tiện vận tải, và các công trình khác Bệnh viện HAGL.
TỔNG CỘNG	<u>511.870.419</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Số đầu năm</i>	
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	300.000.000	350.000.000	
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB ("HDBS")	-	930.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	-	200.000.000	
Chi phí phát hành trái phiếu	(40.208.805)	(57.130.564)	
TỔNG CỘNG	6.435.791.195	7.598.869.436	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>5.142.773.631</i>	<i>6.726.624.401</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.293.017.564</i>	<i>872.245.035</i>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13, 14 và 16)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2021: 7,53 - 8,60)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh-Quang Minh làm chủ sở hữu, 9.231,6 ha (trồng cao su), 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sử dụng và khai thác 5.357 ha cọ dầu trên diện tích đất 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Dong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,7 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH C.R.D; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG do Chủ tịch HĐQT nắm giữ; Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc Bệnh viện HAGL; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc Tập đoàn; 16,5 ha chuồng trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc Tập đoàn; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạch Gián tọa lạc tại Đà Nẵng thuộc Tập đoàn; 13.310.000 cổ phiếu HNG và 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty.

Chi phí phát hành
trái phiếu (38.224.069)

TỔNG CỘNG 5.837.775.931

Trong đó:
Trái phiếu dài hạn 4.644.191.179
Trái phiếu dài hạn
đến hạn trả 1.193.584.752

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Tập đoàn cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với tổng giá trị là 1.759.213.821 ngàn VND. Tập đoàn đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 9, 11, 12, 14 và 16)
TPBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	300.000.000	Lãi suất áp dụng cho 6 tháng đầu tiên kể từ Ngày phát hành là 10,00%/năm. Lãi suất điều chỉnh bằng tổng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân cao nhất kỳ hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 3,50 (2021: 9,45 - 10,00)	Ngày 28 tháng 10 năm 2024	Thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn	50.000.000 cổ phiếu HAG thuộc quyền sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có số Giấy chứng nhận BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; 14.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Quý; và Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng 0809/2020/HTDTKD/HTGL-LEME giữa Hưng Thắng Lợi và Công ty Cổ phần Le Me
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2021: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Chi phí phát hành trái phiếu		(1.984.736)				
TỔNG CỘNG		598.015.264				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		498.582.452				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		99.432.812				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND	
		Số đầu năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("Eximbank")	637.790.252	711.277.743	
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	268.686.489	1.025.470.346	
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	192.000.000	242.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	103.380.716	512.454.605	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	1.231.637.137	
TỔNG CỘNG	1.201.857.457	3.722.839.831	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	704.681.572	1.194.476.648	
Vay dài hạn	497.175.885	2.528.363.183	

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn cuối cùng</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)</i>
<i>Eximbank</i>				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	413.840.471	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìa đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	223.949.781	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìa đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
TỔNG CỘNG	637.790.252			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	308.300.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	329.490.252			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 179 tỷ VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay	<u>268.686.489</u>	Ngày 23 tháng 6 năm 2022	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channousit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	268.686.489
----------------------------	-------------

TPBank - Chi nhánh Hà Nội

Khoản vay	<u>192.000.000</u>	Từ 21 tháng 10 năm 2022 đến 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 3,50 (2021: 9,45 – 10,00)	Các tài sản phát sinh từ phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng với giá trị 12.000.000 USD; và Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440736, BY 440744, BY 440746 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.
-----------	--------------------	--	---	--

Trong đó:

Vay dài hạn	96.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	96.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)</i>
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	<u>103.380.716</u>	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2022 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,00 USD: 8,00	Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bìa đồ đất 118,2 ha và bìa đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bìa đồ đất 6,7 ha và bìa đồ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bìa đồ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bìa đồ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đồ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	92.875.885			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	10.504.831			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

<i>Tên đối tượng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ông Lê Hiền Trung	83.644.565	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp KhamKauong	41.341.742	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	<u>11.909.242</u>	Ngày 1 tháng 4 năm 2023	12,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>136.895.549</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(424.458.674)	281.668.774	(4.766.207.329)	7.628.854.385
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	-	-	(1.255.661.344)	(1.255.661.344)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.067.799.291)	-	-	(1.067.799.291)
Thù lao HĐQT, BKS và thư ký	-	-	-	-	-	(483.512)	(483.512)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	741.925	(741.925)	-
Phân chia lợi nhuận của công ty con	-	-	-	-	-	(2.228.668)	(2.228.668)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(276.340.059)	(276.340.059)
Thanh lý công ty con	-	-	-	52.121.703	-	-	52.121.703
Số cuối năm	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.440.136.262)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(6.301.662.837)</u>	<u>5.078.463.214</u>
Năm nay							
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	203.030.161	203.030.161
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(415.520.163)	-	-	(415.520.163)
Chi thù lao HĐQT và Ban Giám đốc	-	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Sử dụng thặng dư vốn để cản trừ lỗi lũy kế (i)	-	(3.263.858.784)	-	-	-	3.263.858.784	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát (TM số 4.1, 4.2 và 4.3)	-	-	-	-	-	(617.676.247)	(617.676.247)
Thanh lý công ty con	-	-	-	1.253.037.089	-	(1.013.165.414)	239.871.675
Số cuối năm	<u>9.274.679.470</u>	<u>-</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(602.619.336)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(4.467.100.553)</u>	<u>4.486.683.640</u>

(i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 1609/21/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 16 tháng 9 năm 2021, các cổ đông của Tập đoàn đã thông qua việc sử dụng thặng dư vốn để cản trừ lỗi lũy kế với tổng giá trị là 3.263.858.784 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	4.949.332.245	4.122.902.838
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	514.446.908	1.566.478.912
Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	55.000	-
Mua các công ty con	-	283.185.640
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(75.424.050)	(1.127.678.506)
Thanh lý công ty con	(5.201.860.403)	107.301.119
Khác	-	(2.857.758)
Số cuối năm	<u>186.549.700</u>	<u>4.949.332.245</u>

27. LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) cơ bản và lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	203.030.161	(1.255.661.344)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	927.399.283
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	219	(1.354)
- Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	219	(1.354)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu gộp	2.187.415.636	3.189.964.886
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.092.323.976	2.290.134.596
Doanh thu bán heo	557.570.467	121.162.500
Doanh thu bán hàng hóa	317.660.813	107.178.304
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	217.079.648	405.779.249
Doanh thu bán mũ cao su	-	265.494.259
Doanh thu khác	2.780.732	215.978
Khoản giảm trừ	(89.997.270)	(13.318.930)
Giảm giá hàng bán	(89.997.270)	(13.318.930)
Doanh thu thuần	2.097.418.366	3.176.645.956
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.003.599.185	2.283.093.783
Doanh thu bán heo	557.570.406	121.162.500
Doanh thu bán hàng hóa	317.660.818	40.112.617
Doanh thu cung cấp dịch vụ	215.807.224	466.392.018
Doanh thu bán mũ cao su	-	265.494.259
Doanh thu khác	2.780.733	390.779
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	1.461.630.719	3.085.163.910
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 34)	635.787.647	91.482.046

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi tiền cho vay	490.847.799	567.798.415
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 4.1)	240.752.906	660.318.317
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.736.874	58.063.704
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.488.773	1.162.595
Thu nhập cổ tức	79.956	-
Khác	172.304	20.634
TỔNG CỘNG	735.078.612	1.287.363.665
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 34)	469.372.866	554.388.542
Doanh thu với các bên thứ ba	265.705.746	732.975.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán trái cây	695.991.763	2.019.560.189
Giá vốn heo	364.662.397	114.349.447
Giá vốn hàng hóa	315.571.923	61.541.937
Giá vốn dịch vụ	211.407.412	392.254.542
Giá vốn mũ cao su	-	376.531.186
Giá vốn khác	2.814.644	6.678.312
TỔNG CỘNG	<u>1.590.448.139</u>	<u>2.970.915.613</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	971.878.185	1.253.570.666
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	105.764.243	189.644.953
Chi phí lãi HĐHTKD	1.759.669	16.172.109
Hoàn nhập các chi phí tài chính khác	-	(155.818.739)
Khác	10.890.941	14.592.494
TỔNG CỘNG	<u>1.090.293.038</u>	<u>1.318.161.483</u>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.959.970	334.042.538
Chi phí lương nhân viên	3.475.749	11.239.055
Chi phí khấu hao và hao mòn	481.499	2.853.664
Chi phí khác	4.369.948	6.448.949
	<u>129.287.166</u>	<u>354.584.206</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	601.696.297	157.929.000
Chi phí lương nhân viên	76.497.818	144.305.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.087.248	46.381.182
Chi phí khấu hao	8.505.956	17.983.621
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	(891.173.929)	1.425.324.428
Chi phí khác	3.107.381	59.316.300
	<u>(174.279.229)</u>	<u>1.851.240.106</u>
TỔNG CỘNG	<u>(44.992.063)</u>	<u>2.205.824.312</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản	35.896.990	-
Hoàn nhập các khoản trích trước	-	26.924.870
Thu nhập khác	43.773.982	71.223.595
	<u>79.670.972</u>	<u>98.148.465</u>
Chi phí khác		
Chi phí chuyển đổi vườn cây	293.716.472	56.168.520
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	25.274.918	62.455.980
Chi phí xóa sổ TSCĐ	14.456.054	63.464.100
Các khoản phạt	9.655.180	30.101.552
Lỗ thanh lý tài sản	-	184.949.729
Các khoản khác	58.103.085	30.344.526
	<u>401.205.709</u>	<u>427.484.407</u>
LỖ KHÁC	<u>(321.534.737)</u>	<u>(329.335.942)</u>

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2020: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	885.768	3.440.989
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(259.098.512)</u>	<u>28.438.599</u>
TỔNG CỘNG	<u>(258.212.744)</u>	<u>31.879.588</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập/(lỗ) chịu thuế khác với lợi nhuận/(lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(130.606.633)	(2.351.460.262)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lỗ kế toán:</i>		
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	601.696.297	157.929.000
Các khoản lỗ từ các công ty con	348.765.383	1.733.734.243
Lỗ (lãi) từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	222.169.717	(476.321.574)
Mức trần chi phí lãi vay (*)	121.964.254	279.551.379
Lỗ chưa thực hiện trên hợp nhất	41.935.443	10.040.074
Lỗ/(lãi) từ các công ty liên kết	5.819.760	(8.767.467)
Chi phí lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	3.472.151	129.860.293
Cần trừ lỗ năm trước	(574.015.223)	(224.242.016)
Dự phòng các khoản đầu tư	(588.288.263)	(171.828.441)
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(316.221.485)	(134.603.088)
Các khoản chi phí không được trừ và các khoản khác	271.212.161	1.072.055.261
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	7.903.562	15.947.402
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	1.320.285	3.439.878
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(434.517)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	885.768	3.440.989
Thuế TNDN phải trả đầu năm	22.300.049	19.677.263
Thanh lý công ty con	(20.356.074)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.205.764)	(818.203)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	623.979	22.300.049
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	631.518	22.593.419
Thuế TNDN trả trước (TM số 21)	(7.539)	(293.370)

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm mà vượt 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay thuần và chi phí khấu hao trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>hợp nhất</i>		<i>kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	10.966.646	85.724.272	(74.757.626)	11.195.863
	10.966.646	85.724.272	(74.757.626)	11.195.863
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	510.611.231	583.360.502	(72.749.271)	-
Dự phòng các khoản đầu tư	-	141.070.733	(141.070.733)	30.809.890
Chi phí lãi vay vốn hóa trên khía cạnh hợp nhất	-	120.036.134	(120.036.134)	8.824.572
	510.611.231	844.467.369	(333.856.138)	39.634.462
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại			(259.098.512)	28.438.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Cho vay	1.088.916.833	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	390.763.153	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	220.463.403	-
		Mượn	131.000.000	-
		Lãi cho vay	59.553.378	-
		Mua tài sản	19.636.229	-
		Chi hộ	8.723.833	-
		Bán tài sản cố định	1.614.083	-
		Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn
Thu hồi khoản cho mượn	415.574.777			-
Cho vay	394.394.765			-
Mua hàng hóa và dịch vụ	184.542.253			-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	111.187.299			-
Lãi cho vay	37.608.961			-
Mượn	6.954.000			-
Chi hộ	699.545			-
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan			Cho vay
		Lãi cho vay	4.180.123	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	319.931.365	295.408.780
		Cho vay	161.506.120	371.578.296
		Cho mượn	25.405.650	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	-	440.000.000
		Cho vay	104.042.000	-
		Lãi cho vay	7.486.903	-
		Chi phí lãi HĐHTKD	1.755.556	6.511.106
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	-	7.005.607
		Mua tài sản	55.821.045	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	4.440.857	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	53.174.326	-
		Cho vay	26.000	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	45.412.183	2.403.208
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.052.893	4.682.948
		Cho vay	-	3.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	25.910.692	-
		Lãi cho vay	14.273.336	22.292.669
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.411.822	22.295.903
		Lãi vay	1.448.958	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	78.193	1.078.511
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	15.803.280	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	20.678.860	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.059.641	-
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.901.640	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.288.952	-
		Mua tài sản	597.096	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	77.854	-
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	2.633.880	-
		Cho mượn không lãi suất	478.330	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.072.573	-
		Mua tài sản	726.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	39.333	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.287.142	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	646.600	404.387
Ông Nguyễn Văn Quý	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	495.300	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	159.863	5.182.241
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	4.122.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)

Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	53.347.003	-	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	35.866.935	-	
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.420.359	-	
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.764.302	-	
		Bán tài sản cố định	1.748.337	-	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.115.070	5.444.663	
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.265.606	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	449.761	375.199	
			140.073.031	38.917.520	

Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)

Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	10.673.489	23.253.451	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	1.652.520	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	247.218	-	
			12.573.227	23.253.451	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	8,00 - 8,60	4.120.545.983	3.644.498.048
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	1.351.784.995	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	6,15	500.000.000	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	8,60 - 10,00	251.431.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	10,00	102.165.041	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	-	15.000.000	15.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	4,80	22.179.629	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	12,00	4.209.929	86.936.725
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	-	26.000	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,00	-	3.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.811.406
			6.397.342.577	3.781.246.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	4,80	665.818.080	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	636.677.272	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80	213.020.219	840.307.997
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	8,00	253.800.000	253.800.000
Công ty Cổ Phần Gia Súc Lơ Pang	Công ty liên quan	7,575	178.816.833	-
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	8,00	126.900.000	126.900.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	124.747.486	100.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	105.918.838	-
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	8,00	42.300.000	42.300.000
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	15.751.124	-
			2.363.749.852	1.363.307.997

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 11 năm 2021, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	404.394.310	112.367.032
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	26.200.685	-
		Cho mượn	10.699.989	-
		Khác	1.520.465	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.856.246	22.873.208
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn	7.486.903	65.490.397
		Tạm ứng	10.812	26.120
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Lãi cho vay	4.427.049	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn	1.300.000	-
		Lãi cho vay	72.491	-
		Khác	22.000	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	614.990	461.872
			480.605.940	201.218.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	HĐHTKD Lãi cho vay	440.000.000 23.379.954	440.000.000 7.160.868
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	50.880.235	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	43.144.374	29.854.077
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.534.787	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	19.829.760	4.026.480
Ông Lê Văn Thạch	Bên liên quan	Lãi cho vay	15.805.440	7.903.800
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.021.989	-
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	3.321.960	688.080
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.538.997	-
			639.457.496	489.633.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)					
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	66.675.236	-	
		Mua tài sản cố định	33.473.380	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.380.474	116.694.539	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.257.375	-	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.081.090	-	
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.883.340	-	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.497.279	-	
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	482.444	1.080.231	
			138.730.618	117.774.770	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 20)					
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	302.565.957	-	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	11.295.473	-	
			313.861.430	-	
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)					
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mượn tiền	10.415.275	-	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi phạt	6.739.726	-	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền Khác	-	594.335	
			682.739	-	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD Mượn tiền	-	100.000.000	
			-	70.000.000	
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	37.481.217	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	24.197.190	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	HĐHTKD Mượn tiền	-	4.112.630	
			-	1.000.000	
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Mượn tiền	-	150.000	
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	4.500	15.612	
			18.114.940	237.823.684	
Phải trả dài hạn khác (TM số 23)					
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Mượn tiền	-	236.357.918	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.662.428	2.482.728
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	2.214.202	2.077.893
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.519.645	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.286.280	1.326.582
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT	243.000	1.308.936
Các cá nhân khác		2.408.545	1.304.400
TỔNG CỘNG		10.334.100	8.500.539

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	83.700	109.091
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	54.000	141.818
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	-	1.167.524
Các cá nhân khác		162.000	130.909
TỔNG CỘNG		299.700	1.549.342

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam và Lào để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.396.264	27.564.339
Từ 1 đến 5 năm	13.121.612	110.323.976
Trên 5 năm	100.473.334	949.434.540
TỔNG CỘNG	116.991.210	1.087.322.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m² thuộc sở hữu của Công ty;
- 76.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (150 ha chanh dây, 229,25 ha bơ, 74,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;

Ngoài ra, theo Hợp đồng Tín dụng Số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng Tín dụng Số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV theo Thư Bảo lãnh Vay vốn Số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn và Bá Thước đang trong quá trình làm việc với BIDV để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản Bảo lãnh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	6.534.440.081	2.464.351.274
- Đô la Mỹ (USD)	602.669	1.749.612
- Đồng Euro (EUR)	190	401
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	-	64.372.090
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	-
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	3.720.000	3.720.000

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	506.531.911	2.670.114.045	-	3.176.645.956
Giữa các bộ phận	956.758.129	1.048.786.431	(2.005.544.560)	-
Tổng cộng	1.463.290.040	3.718.900.476	(2.005.544.560)	3.176.645.956
Kết quả của bộ phận	52.702.423	153.027.920	-	205.730.343
Chi phí không phân bổ				(2.535.160.254)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				(2.329.429.911)
Thu nhập tài chính				1.287.363.665
Chi phí tài chính				(1.318.161.483)
Lãi từ công ty liên kết				8.767.467
Lỗ trước thuế				(2.351.460.262)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(3.440.989)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				(28.438.599)
Lỗ sau thuế TNDN trong năm				(2.383.339.850)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	3.018.565.742	33.883.908.746	-	36.902.474.488
Tiền				97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết				266.193.865
Tổng tài sản				37.265.819.551
Nợ phải trả của bộ phận	(1.938.204.272)	(24.455.352.451)	-	(26.393.556.723)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(141.070.733)	(703.396.636)		(844.467.369)
Tổng nợ phải trả				(27.238.024.092)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Ngàn VND

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	533.468.038	1.563.950.328	-	2.097.418.366
Giữa các bộ phận	964.289.519	648.791.960	(1.613.081.479)	
Tổng cộng	1.497.757.557	2.212.742.288	(1.613.081.479)	2.097.418.366
Kết quả của bộ phận	28.242.811	478.727.416	-	506.970.227
Chi phí không phân bổ				(276.542.674)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				230.427.553
Thu nhập tài chính				735.078.612
Chi phí tài chính				(1.090.293.038)
Lỗ từ công ty liên kết				(5.819.760)
Lỗ trước thuế				(130.606.633)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(885.768)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				259.098.512
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				127.606.111
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	1.379.555.497	16.981.831.457	-	18.361.386.954
Tiền				78.298.037
Tổng tài sản				18.439.684.991
Nợ phải trả của bộ phận	(169.209.645)	(13.086.630.775)	-	(13.255.840.420)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(510.611.231)		(510.611.231)
Tổng nợ phải trả				(13.766.451.651)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.208.058.651	231.786.705	48.975.262	687.825.338	3.176.645.956
Chi phí hình thành tài sản cố định	166.860.532	690.716.762	914.742.077	-	1.772.319.371
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	16.349.124.058	13.401.401.402	7.151.949.028	-	36.902.474.488
Tiền					97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết					266.193.865
Tổng tài sản					37.265.819.551
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.130.544.964	620.339.519	-	346.533.883	2.097.418.366
Chi phí hình thành tài sản cố định	690.730.524	245.779.318	-	-	936.509.842
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	14.380.934.619	3.980.452.335	-	-	18.361.386.954
Tiền					78.298.037
Tổng tài sản					18.439.684.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 10 tháng 2 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 48.100.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 16,07% xuống còn 11,73%.

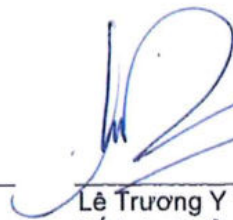
Vào ngày 1 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 25.400.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 11,73% xuống còn 9,4%.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập

Ngày 24 tháng 3 năm 2022



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2022 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn